

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2019/HC-PT
Ngày: 10 - 6 - 2019
V/v Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực thuế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Trần Thị Hòa Hiệp
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Tô Chánh Trung Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 619/2018/TLPT-HC ngày 06 tháng 11 năm 2018 về việc: “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 24/2018/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 590/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1963 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1971 (có mặt);
Cùng địa chỉ: số nhà 28, tổ 20 thôn P1, xã P2, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Người bị kiện:

1. Chi cục Thuế huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Trụ sở: 368 Quốc lộ 20, thị trấn P3, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T; Chức vụ Chi cục trưởng (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc S; chức vụ Phó Chi cục trưởng, theo Văn bản ủy quyền lập ngày 10-4-2018 (có mặt);

2. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng

Trụ sở: Tầng 2 Trung Tâm hành chính, 36 đường P4, phường 4, thành phố Đ1, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phú T1, Chức vụ Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy K, Chức vụ Phó Giám đốc, theo Văn bản quyền lập ngày 18-12-2017 (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn L (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ số nhà 28, tổ 20, thôn P1, xã P2, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của người khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Diện tích thửa 08 bản đồ 13 xã K1 nguồn gốc ông H1 khai phá từ năm 1988 và thuộc quyền sử dụng của ông H1. Năm 1991 ông H1 làm nhà và đến năm 1994 ông H1 lập văn bản chuyển nhượng đất, căn nhà cho bà H, được Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) xã K1 xác nhận nguồn gốc đất ở trước ngày 15-10-1993.

Năm 1995, bà H kê khai đăng ký; đến năm 2001 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt sổ đỏ) số hiệu T380515 ngày 18-5-2001; diện tích 246m² thuộc thửa 327 bản đồ 13 xã K1, huyện Đ loại đất ở nông thôn; đến ngày 26-02-2004 tại trang 4 của sổ đỏ lại ghi “*Chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính*”, bà H khiếu nại đến UBND huyện Đ, sau đó sổ đỏ nêu trên đã bị thu hồi hủy bỏ, theo QĐ số 269/QĐ-UBND ngày 08-3-2006 của UBND huyện Đ. Đến năm 2014, bà H kê khai đăng ký đề nghị Cơ quan có thẩm quyền cấp sổ đỏ theo quy định.

Theo biên bản họp ngày 24-4-2017, có đại diện cơ quan Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng, Chi cục Thuế huyện Đ, Phòng Tài chính kế hoạch, Phòng Tài

nguyên môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ có nội dung “xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, bà H phải nộp tiền sử dụng đất ở nông thôn, đối với diện tích 246m² thửa 914 bản đồ 28 đo đạc 2013 với các căn cứ “*xác định mốc thời gian sử dụng từ năm 1994; Thu tiền sử dụng đất bằng 50% đối với diện tích đất trong hạn mức*”. Từ cuộc họp này, theo Phiếu chuyển thông tin số 3396/PCTTĐC ngày 22-5-2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ (*sau đây viết tắt Phiếu chuyển thông tin số 3396/PCTTĐC*); Thông báo số 3897/CCT-TB ngày 24-5-2017 của Chi cục thuế Đ (*sau đây viết tắt Thông báo số 3897/CCT-TB*); theo đó bà H phải nộp số tiền 188.829.600đ; trong đó tiền sử dụng đất 186.960.000đ; phí trước bạ 1.869.600đ là không đúng pháp luật với lý do căn cứ vào nguồn gốc sử dụng đất, phải được xác định “*từ thời điểm ông H1 sử dụng từ năm 1988 chứ không phải từ năm 1994 bà H nhận chuyển nhượng của ông H1*”. Do vậy, các Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ; Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Đ; Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng tham gia và có ý kiến tại cuộc họp ngày 24-4-2017 là không đúng; Phiếu chuyển thông tin số 3396/PCTTĐC không đúng; Thông báo số 3897/CCT-TB xác định bà H phải nộp tiền sử dụng đất là trái pháp luật; đề nghị Tòa án hủy Phiếu chuyển thông tin số 3396/PCTTĐC; Thông báo số 3897/CCT-TB nêu trên; Yêu cầu các Cơ quan tham dự họp ngày 24-4-2017 đã phát biểu ý kiến phải thay đổi ý kiến.

Liên quan đến ông Q (chồng bà H), đại diện người khởi kiện xác định diện tích đất bị xác định nghĩa vụ tài chính nêu trên là tài sản chung của ông Q, bà H. Tuy nhiên sau đó thay đổi lời trình bày xác định tài sản riêng của bà H; đứng tên riêng của bà H; không liên quan đến ông Q.

Theo ý kiến của đại diện người bị kiện Chi cục thuế Đ trình bày:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Quyết định số 61/2013/QĐ-UBND ngày 20-12-2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng; quy định giá các loại đất trên địa bàn huyện Đ năm 2014; Chi cục Thuế huyện Đ ban hành Thông báo số 3897/CCT-TB ngày 24-5-2017; theo đó bà H thuộc đối tượng nộp tiền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật; đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện.

Theo ý kiến của đại diện người bị kiện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng:

Phiếu chuyển thông tin số 3396/PCTTĐC ngày 22-5-2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ cung cấp thông tin về diện tích, vị trí, thửa, bản đồ, để Cơ quan Thuế xem xét xác định số tiền phải thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc thuộc trường hợp không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính; hoặc thuộc trường hợp được miễn theo quy định pháp luật về đất đai. Do vậy, Phiếu

chuyển thông tin 3396/PCTTĐC không gây ảnh hưởng quyền lợi của bà H; không phải là Quyết định hành chính, đề nghị Tòa án xem xét.

Theo ý kiến của đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ *Đại diện Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng:* Việc Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng tham gia cuộc họp ngày 24-4-2017 liên quan nghiệp vụ về Thuế. Mặt khác, theo Quyết định số 503/QĐ-TCT ngày 29-3-2010 của Tổng cục Thuế quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế, trường hợp nếu vướng mắc nghiệp vụ thì Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng hướng dẫn mang tính nội bộ. Do vậy người khởi kiện xác định Cục thuế Lâm Đồng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, đề nghị Tòa án xem xét.

+ *Đại diện Phòng Tài chính kế hoạch huyện Đ:*

Đại diện Phòng tài chính kế hoạch huyện Đ tham gia cuộc họp ngày 24-4-2017 là công tác phối hợp. Do vậy người khởi kiện xác định Phòng Tài chính kế hoạch huyện Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, đề nghị Tòa án xem xét.

+ *Đại diện Phòng Tài nguyên môi trường huyện Đ:* Không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu của người khởi kiện.

+ *Ông Nguyễn Ngọc Q:* Ông là chồng bà H (kết hôn năm 1983); khi bà H giao dịch nhận chuyển nhượng diện tích đất nêu trên của ông H1 năm 1994, tuy không có văn bản thỏa thuận xác định tài sản diện tích đất nêu trên là tài sản riêng của bà H nhưng thực tế thuộc tài sản riêng của bà H, sổ đỏ cấp năm 2001 cũng chỉ đứng tên bà H; các thủ tục kê khai đăng ký cấp sổ đỏ cũng như Thông báo số 3897/CCT-TB đều thể hiện cá nhân bà H. Do vậy thông báo số 667/TB-TA ngày 27-6-2018 Tòa án xác định tôi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, đề nghị Tòa án xem xét.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; tổ chức phiên đối thoại nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (ông Phước) xác định bà H nhận chuyển nhượng đất của ông H1 ngày 02-5-1994 sau đó bà H mới quản lý, sử dụng đất là chính xác; đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận hủy Phiếu chuyển thông tin số 3396/PCTTĐC; Thông báo số 3897/CCT-TB nêu trên; Buộc các Cơ quan Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng; Phòng Tài chính-kế hoạch huyện Đ; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ phải rút lại ý kiến đã phát biểu tại cuộc họp ngày 24-4-2017. Ngoài ra, đối với các tài liệu được công bố như “Biên bản kiểm tra hiện trạng lô đất số ngày 13-8-2004 (bút lục 130), Đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất của bà Nguyễn Thị Thanh H ngày 22-3-1995 (bút lục 190); Biên bản làm

việc ngày 30-9-2004 (bút lục 193); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Quốc Huy số G814906 cấp ngày 12-4-1996 sau đó ông H1 đăng ký biến động vào năm 2005 (bút lục 258), ông Phước không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án xem xét.

Đại diện người bị kiện Chi cục Thuế huyện Đ cho rằng khi xác định thời điểm sử dụng đất đối với ông H1 kể từ năm 1988 nguồn gốc khai phá; đối với bà H là người nhận chuyển nhượng được xác định thời điểm bà H sử dụng đất kể từ ngày 02-5-1994 như đại diện người khởi kiện thừa nhận; đề nghị Tòa án xem xét bác đơn khởi kiện.

Người liên quan ông Q giữ nguyên ý kiến nêu trên, đề nghị Tòa án xem xét.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2018/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; các Điều 164, 191; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Xử:

Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H; về yêu cầu hủy Thông báo số 3897/CCT-TB ngày 24-5-2017 của Chi cục Thuế huyện Đ; buộc thực hiện hành vi hành chính thay đổi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 3396/PCTTĐC ngày 23-5-2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/8/2018, người khởi kiện, bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu hủy một phần thông báo nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà đất số 3897/CCT-TB ngày 24/5/2017 của Chi cục thuế huyện Đ; đề nghị đưa Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, Phòng Tài chính kế hoạch và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Ngọc Q không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh H, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hồng P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, theo đó căn cứ Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 thì nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của bà H có từ năm 1988 chứ không phải từ năm 1994, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H: Hủy một

phần Thông báo số 3897/CCT-TB ngày 24/5/2017 của Chi cục thuế huyện Đ về nộp tiền sử dụng đất; hủy một phần Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 3396/PC-TTĐC ngày 23/5/2017 của Chi nhánh văn phòng đất đai huyện Đ về “nguồn gốc sử dụng đất”; đề nghị đưa Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, Phòng Tài chính kế hoạch và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Ngọc Q không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Chi cục thuế huyện Đ giữ nguyên quan điểm trình bày tại văn bản số 2854 ngày 27/11/2018, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y án sơ thẩm.

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên quan điểm đã trình bày, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi lẽ, theo lời trình bày của người khởi kiện xác định bà quản lý, sử dụng từ năm 1988 là không phù hợp vì ông H1 xin chính quyền địa phương giao đất làm nhà ở, sau đó thì ông H1 chỉ chuyển nhượng một phần cho bà H và hiện nay ông H1 đang sử dụng tại phần đất này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bà H chuyển nhượng của ông H1 năm 1994, khi đó Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực, việc chuyển nhượng không hợp pháp vì ông H1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của bà H và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Phiếu chuyển thông tin số 3396/PC-TTĐĐ ngày 23/5/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ có các thông tin về vị trí, diện tích, thửa, bản đồ để cơ quan thuế làm cơ sở xác định số tiền thuế phải nộp. Cơ quan văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của

các thông tin ghi trên phiếu nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng là đúng quy định tại khoản 4 Điều 3, Điều 30 Luật tổ tụng hành chính và pháp luật đất đai.

Thông báo số 3897/CCT-TB ngày 24/5/2017 của Chi cục thuế huyện Đ là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 30 Luật tổ tụng hành chính.

[1.2] Bà H khởi kiện đúng thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3] Xét kháng cáo của bà H yêu cầu đưa Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, Phòng Tài chính kế hoạch và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Ngọc Q không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng tại cuộc họp ngày 24/4/2017, các cơ quan này tham dự cuộc họp là thuộc trường hợp phối hợp nội bộ nhằm giúp cho cơ quan thuế tham khảo, xem xét, đánh giá khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Các cơ quan này không bị ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ gì khi bà H khởi kiện. Do đó, căn cứ vào khoản 10 Điều 3 và Điều 58 Luật tổ tụng hành chính thì những cơ quan này không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã nhận định về vấn đề này nhưng tại phần đầu của bản án sơ thẩm (phần xác định tư cách đương sự) vẫn ghi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, Phòng Tài chính kế hoạch và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ và phần quyết định của bản án vẫn tuyên các cơ quan này được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết do vắng mặt. Đây là thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm, cần phải rút kinh nghiệm.

Xét yêu cầu không đưa ông Nguyễn Ngọc Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, theo trình bày của ông Nguyễn Hồng P thì diện tích đất nêu trên thuộc tài sản chung của vợ chồng ông Q, bà H (bút lục 270) nhưng sau đó ông Phước thay đổi trình bày xác định là tài sản riêng của bà H, tuy nhiên việc chuyển nhượng giữa ông Q, bà H với ông H1 vào năm 1994, giữa hai ông bà không có tài liệu, chứng cứ xác định đây là tài sản riêng của bà H, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Ngọc Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu hủy một phần Phiếu chuyển thông tin số 3396/PC-TTĐC ngày 23/5/2017 của Chi nhánh văn phòng đất đai về xác định “*nguồn gốc sử dụng đất*”.

Đối chiếu với các chứng cứ thu thập được thể hiện diện tích đất tại thửa số 914, tờ bản đồ số 28 (đo đạc năm 2013) xã K1 có nguồn gốc “*bà H nhận chuyển nhượng của ông H1 ngày 02/5/1994*”. Điều này phù hợp với “*Tờ khai mốc thời gian sử dụng đất ở*” do chính bà H kê khai ngày 06/3/2014 và trình bày của ông H1 tại “*Biên bản làm việc*” ngày 30/9/2004. Như vậy, tại Phiếu chuyển thông tin số 3396/PC-TTĐC xác định thời gian bà H quản lý sử dụng đất kể từ ngày 02/5/1994 sau khi nhận chuyển nhượng của ông H1 là chính xác.

[2.2] Về yêu cầu hủy Thông báo số 3897/CCT-TB ngày 24/5/2017 của Chi cục thuế huyện Đ:

Nguồn gốc đất bà H đang sử dụng là do nhận chuyển nhượng của ông H1. Bà H thì cho rằng mình nhận chuyển nhượng đất ở từ ông H1. Nhưng ông H1 không chuyển nhượng đất ở cho bà H vì hiện ông H1 vẫn đang sử dụng đất ở trong hạn mức là 400m² (bút lục 258, 261). Ngoài ra, ông H1 trình bày là trên diện tích đất chuyển nhượng cho bà H có 01 quán bán hàng diện tích 9m² (3x3m), chứ không phải căn nhà ông H1 thường xuyên sinh sống, sau đó bán cho bà H (bút lục 193). Ngày 02/5/1994 là ngày bà H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông H1 nên xác định mốc thời gian bà H là chủ sử dụng đất là từ sau ngày 02/5/1994.

Theo điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất quy định:

“Điều 7. Thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất và tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nếu được cấp Giấy chứng nhận thì thu tiền sử dụng đất như sau:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở thì phải nộp tiền sử dụng đất bằng 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất trong hạn mức giao đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất; đối với diện tích đất ở vượt hạn mức (nếu có) thì phải nộp bằng 100% tiền sử dụng đất theo giá đất quy định Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết

định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.” thì khi bà H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định nêu trên.

[2.3] Bà H kháng cáo cho rằng tại Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...đối với đất đã sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 mà không có giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai, còn đất của bà đã có giấy tờ nên không thuộc trường hợp áp dụng Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP.

Theo hồ sơ thể hiện năm 2001, UBND huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, nhưng do bà H chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính nên ngày 08/3/2006, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 269/QĐ-UBND để thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đã cấp cho bà. Như vậy, đến thời điểm năm 2014 khi bà H xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đất của bà H thuộc trường hợp không có giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện, bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh H; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H về yêu cầu hủy Thông báo số 3897/CCT-TB ngày 24/5/2017 của Chi cục thuế huyện Đ và buộc thực hiện hành vi hành chính thay đổi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 3396/PC-TTĐĐ ngày 23/5/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010144 ngày 10/9/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung

Lê Hoàng Tấn

Trần Thị Hòa Hiệp